

Bản án số: 82/2017/HSST.
Ngày 12.9.2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Ông Giàng A Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cứ A S**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo tin lành.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 3/12.

Con ông: Cứ A H, (chết năm 2012); con bà: Mùa Thị C, sinh năm: 1972.

Bị cáo có vợ: Ly Thị Í, sinh năm 1991.

Bị cáo có 04 người con; con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: **Bà Lò Thị Khánh Hà**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, (có mặt).

* Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ trụ sở: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Ông Phạm Quốc H; chức vụ: Giám đốc. là người đại diện theo pháp luật.

(Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ly A T; sinh năm: 1991; trú tại: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Cú A S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 01/2017 Cú A S chuyển gia đình từ bản Đ, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên đến ở tại bản H, xã M, huyện T, đã được bố mẹ vợ và dân bản H nói cho S biết rõ rừng ở tại khu vực theo tiếng địa phương gọi là khu rừng “Thả Núa” thuộc bản H, xã M, huyện T là rừng phòng hộ đầu nguồn, nhà nước nghiêm cấm chặt phá, khai thác trái phép. Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có đất nương canh tác trồng lúa, Cú A S thấy nhiều người ở bản H, xã M, huyện T đi lên khu rừng phòng hộ trên tự nhận, đánh dấu lấy một khoảnh rừng để chặt phá trái phép lấy đất làm nương. Cú A S cũng nảy sinh ý định đi chặt phá rừng phòng hộ lấy đất làm nương trồng lúa cho gia đình. Tháng 3/2017 Cú A S đã đem theo một con dao quắm đi vào khu rừng phòng hộ Thả Núa thuộc bản H, xã M, huyện T tự chọn và đánh dấu cho mình một đám nương. Sau khi tìm được khoảnh rừng, Cú A S dùng dao quắm phát những cây dưới tán khoảng 05 đến 06 ngày thì xong. Sau đó Cú A S mượn chiếc cưa máy chạy bằng xăng của anh Ly A T ở cùng bản mang đi dùng cưa máy cắt hạ toàn bộ những cây gỗ to có đường kính từ 20 cm đến 40 cm, thời gian chặt phá trong một ngày thì xong. S về nhà chờ cho đến khi nào cây khô mới tiến hành đi đốt làm nương, nhưng chưa kịp đốt thì đã bị cơ quan chức năng phát hiện. Cú A S đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo đầu thú, khai rõ toàn bộ hành vi của mình phá rừng trái phép lấy đất làm nương. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 (một) chiếc cưa máy Cú A S mượn của Ly A T ở cùng bản là phương tiện S sử dụng phá rừng trái phép.

Ngày 26/3/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo thành lập đoàn công tác liên ngành để khám nghiệm hiện trường, Cú A S đã trực tiếp dẫn đoàn công tác đi chỉ trực tiếp vị trí, xác nhận diện tích khu rừng S đã chặt phá trái phép. Qua khám nghiệm hiện trường, đo đạc đã xác định được diện tích rừng Cú A S chặt phá trái phép là 5.592 m², trạng thái rừng IIIa1, mức độ thiệt hại là 100%, loại rừng phòng hộ, tại tiểu khu 606, khảnh 08, lô 02 thuộc bản H, xã M, huyện T, do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T quản lý. Cụ thể: Tổng số cây thiệt hại trong diện tích là 276 cây, tổng trữ lượng 117,781 m³ (trong đó, sản lượng 64,209 m³; củi tận thu 53,572 Ster). Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 126.290.600đ (*một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*). Trong quá trình điều tra vụ án, Cú A S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 3.000.000 VNĐ (*ba triệu đồng*) để bồi thường, khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 66/QĐ-VKS-HS ngày 04/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Cú A S về tội: Hủy hoại rừng theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự ông Phạm Quốc H trình bày: Căn cứ Quyết định số: 1501/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ

huyện T để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã: T, P và M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong thời gian từ ngày 17/02/2017 đến ngày 14/3/2017 Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T phối hợp với chính quyền xã M; Kiểm lâm địa bàn phụ trách xã M đi kiểm tra đã phát hiện các khoảnh 4; 5; 8, tiểu khu 606 xã M. Quá trình điều tra đã xác định được Cừ A S là người trực tiếp chặt phá, hủy hoại 5.592 m² rừng phòng hộ, trạng thái rừng IIIa1, tại tiểu khu 606 khoảnh 8 lô 2 thuộc địa bàn bản H, xã M, do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T quản lý, gây thiệt hại 126.290.600đ (*một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*). Do vậy, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T yêu cầu Cừ A S bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 126.290.600đ theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn đề nghị anh Ly A T trình bày: Vào tháng 3/2017 anh T cho Cừ A S mượn 01 cửa máy nhãn hiệu Husavarna màu cam để xẻ gỗ làm nhà. Đến ngày 23/3/2017 anh T mới biết Cừ A S đã sử dụng cửa máy của anh hủy hoại rừng, nên anh Tổng đã tự giác giao nộp cửa máy để phục vụ cho công tác điều tra. Anh T không biết Cừ A S đã sử dụng cửa máy của anh để hủy hoại rừng, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T trả lại cho anh cửa máy trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội. Vì tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với khung hình phạt của tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 126.290.600đ (*một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*), do bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 3.000.000đ, nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là 123.290.600đ (*một trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*). Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho anh Ly A T 01 cửa máy nhãn hiệu Husavarna màu cam đã qua sử dụng, do bị cáo mượn của anh T để xe gỗ làm nhà; nộp trả Nhà nước số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát về phần tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại

điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự; nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được đi học đến lớp 3 nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt, thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đã đề nghị và quyết định bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung; trả lại cho anh Ly A T chiếc cưa máy; miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của bị cáo, người bào chữa và Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Cú A S đã khai và thừa nhận: Bị cáo biết rõ rừng thuộc bản H, xã M, huyện T là rừng phòng hộ đầu nguồn, Nhà nước nghiêm cấm chặt phá, khai thác trái phép. Nhưng do thiếu đất nương để sản xuất nông nghiệp, vào khoảng thời gian đầu tháng 3/2017 bị cáo S đã sử dụng 01 chiếc cưa máy, 01 con dao quắm chặt phá 5.592 m² rừng phòng hộ, trạng thái rừng IIIa1, tại tiểu khu 606, khoảnh 8, lô 2 thuộc địa bàn bản H, xã M, huyện T, do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T quản lý, gây thiệt hại 126.290.600đ (*một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*), mục đích để lấy đất làm nương. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 31/3/2017, bản đồ trích lục khu vực phá rừng, biểu tổng hợp thống kê sản lượng, trữ lượng, mật độ trung bình trên ô tiêu chuẩn; bản kết luận định giá tài sản ngày 14/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuần Giáo; Quyết định số: 1501/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T để quản lý, đề nghị của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa cũng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố đối với bị cáo. Tại phần tranh luận bị cáo hoàn toàn nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Cú A S phạm tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội trước ngày bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội thì tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với khung hình phạt của tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm c

khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh, điểm, khoản và điều luật nêu trên là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất vụ án thấy: Bị cáo Cừ A S và nhân dân ở xã M đã nhiều lần được cán bộ Kiểm lâm vận động, tuyên truyền bảo vệ rừng phòng hộ, nhưng bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi hủy hoại rừng phòng hộ của bị cáo đã xâm phạm đến môi trường được pháp luật bảo vệ, đã tác động tiêu cực đến môi trường sống của con người. Xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường như sỏi mòn, sạt lở đất, lũ lụt gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường sinh thái. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội và tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích cần có thêm đất nương để sản xuất nông nghiệp, bị cáo đã bất chấp pháp luật hủy hoại rừng phòng hộ. Nên hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân thấy: Quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú; tại phiên tòa hôm nay bị cáo Cừ A S thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; được gia đình nuôi dạy cho ăn học đến hết lớp 3 sau đó nghỉ học, ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình; năm 2010 kết hôn, tháng 01/2017 chuyển gia đình đến bản H, xã M, huyện T. Ngày 01/4/2017 bị khởi tố về tội Hủy hoại rừng. HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo, tu dưỡng rèn luyện ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng; không phạt bổ sung bằng tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và đề nghị mức án thấp hơn mức án đề nghị của viện kiểm sát là chưa phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét về phần dân sự: Nguyên đơn dân sự Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 126.290.600đ (*một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*). Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện T là có căn cứ theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, do vậy bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 123.290.600đ (*một trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*).

Vật chứng vụ án: Đối với 01 máy cưa nhãn hiệu Husavarna màu cam đã qua sử dụng anh Ly A T cho bị cáo mượn để xẻ gỗ làm nhà, anh T không biết bị cáo sử dụng máy cưa này để hủy hoại rừng, nên cần trả lại cho anh T; đối với số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, cần nộp trả Nhà nước theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình thuộc diện nghèo, cần căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Cừ A S phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Cừ A S 18 (*mười tám*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2017).

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền là: 123.290.600đ (*một trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*).

“Trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật. Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả cho anh Ly A T 01 máy cưa nhãn hiệu Husavarna màu cam; Nộp cho Nhà nước số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) do bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo Phiếu nhập kho số: PNKVC 79 ngày 04/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2017). Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TTTGPL nhà nước tỉnh Điện Biên.
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hương

